

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2021.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình.
2. Ông Nguyễn Ngọc Anh.

- Thư kY phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyền – Thư kY Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Tất Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 523/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Ngọc TH, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu 2, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Ông Đồng Hùng T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Khu 2, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đ.

(bà TH, ông T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc TH trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01, ngày 25/02/1990. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình ngày càng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, khiến cuộc sống nhân ngột ngạt, không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau, vợ chồng không còn tình cảm.

Nay bà nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên là Đồng Như Y, sinh ngày 09/6/1991 và Đồng Hùng T2, sinh ngày 28/4/1993. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Đồng Hùng T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà TH tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố B, tỉnh Đ vào năm 1990. Quá trình chung sống gia đình có xảy ra biến cố, do cha ông già yếu ông phải vào ở cùng cha để chăm sóc, bà TH không muốn ông ở với cha mà yêu cầu ông phải về ở chung với bà TH. Ông ở với cha ông đã được 03 và vợ chồng ông cũng đã sống ly thân 03 năm nay. Theo ông, vợ chồng ông không có khả năng để hàn gắn, đoàn tụ nữa.

Nay bà TH yêu cầu ly hôn ông không đồng ý, vì ông không muốn đến Tòa án làm việc, bà TH muốn ly hôn thì tự chị đơn phương ly hôn. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Ông và bà TH có 02 con chung tên là Đồng Như Y, sinh ngày 09/6/1991 và Đồng Hùng T2, sinh ngày 28/4/1993. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà TH và ông T trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà TH.

Về con chung: Các con chung của bà TH và ông T đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Đồng Hùng T cư trú tại: Khu 2, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của bà TH thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt bà TH và ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà TH và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đ vào năm 1990 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, xét hôn nhân giữa bà TH và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bà TH có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn giữa bà TH và ông T xảy ra sau thời gian đầu vợ chồng chung sống, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, cuộc sống nhân ngột ngạt, không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả bà TH và ông T đều thừa nhận giữa vợ chồng không tìm được Tg nói chung trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau 03 năm nay, không còn tình cảm vợ chồng và không còn có sự quan tâm, chăm sóc gì nhau.

Ông T không đồng ý ly hôn nhưng ông cũng thừa nhận rằng vợ chồng ông không có khả năng để hàn gắn, đoàn tụ được nữa và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Từ lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cho đến nay ông cũng không có biện pháp gì để vợ chồng ông khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn. Tòa án cũng đã T hành thông báo và triệu tập ông T đến tham gia phiên họp hòa giải tại Tòa án nhưng ông T không đến, thể hiện ông T không muốn hòa giải, hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì trong quá trình chung sống, bà TH và ông T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, xảy ra nhiều xung đột, cãi vã, dẫn đến việc vợ chồng không còn chung sống với nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định giữa bà TH và ông T có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà TH, bà TH được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà TH và ông T có 02 con chung tên là Đồng Như Y, sinh ngày 09/6/1991 và Đồng Hùng T2, sinh ngày 28/4/1993. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà TH phải nộp 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89; Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Huỳnh Thị Ngọc TH.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc TH được ly hôn ông Đồng Hùng T.

- Về con chung: Bà TH và ông T có 02 con chung tên là Đồng Như Y, sinh ngày 09/6/1991 và Đồng Hùng T2, sinh ngày 28/4/1993. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: bà Huỳnh Thị Ngọc TH phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004783 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND P. Quyết Thắng;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại